

Bán án số: 68/2023/HNGĐ - ST

Ngày 12-5-2023

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt; Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bích T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số Z, tổ X, ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: Số A, khóm T3, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2023 và quá trình xét xử, nguyên đơn Võ Thị Bích T trình bày: Năm 2019, bà Võ Thị Bích T và ông Huỳnh Văn L1 quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L ngày 07/02/2020. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L1. Về con chung, bà T và ông L1 có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc An N, sinh ngày 17/02/2019, hiện con đang được ông L1 chăm sóc, nuôi dưỡng và T đồng ý giao con cho ông L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng, bà và ông L1 tự thỏa thuận việc

cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn Huỳnh Văn L1 vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không có ý kiến.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng và chia sẻ nhau những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử,

nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không quan tâm, không phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai không chung sống nên không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông L1 có 01 con tên Huỳnh Ngọc An N, sinh ngày 17/02/2019. Hiện con đang được ông L1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học hành cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền cho ông L1 được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông L1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông L1 không có ý kiến nên không xét đến.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích T được ly hôn với ông Huỳnh Văn L1. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu L1 pháp luật.

[2] Về con chung: Ông L1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Huỳnh Ngọc An N, sinh ngày 17/02/2019

Ông L1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Ông L1 không yêu cầu nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng (ba T nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001414 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Giải thích điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.L;
- VKSND Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- **UBND phường M, Tp.L;**
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam

